



Case study 1: Priority 1

From Data to Resilient Viet Nam's Experience in Developing Sex, Age and Disability Disaggregated Data (SADDD) in Disaster Risk Reduction (DRR)

BUI QUANG HUY
DEPUTY DIRECTOR- DMPTC, VNDMA

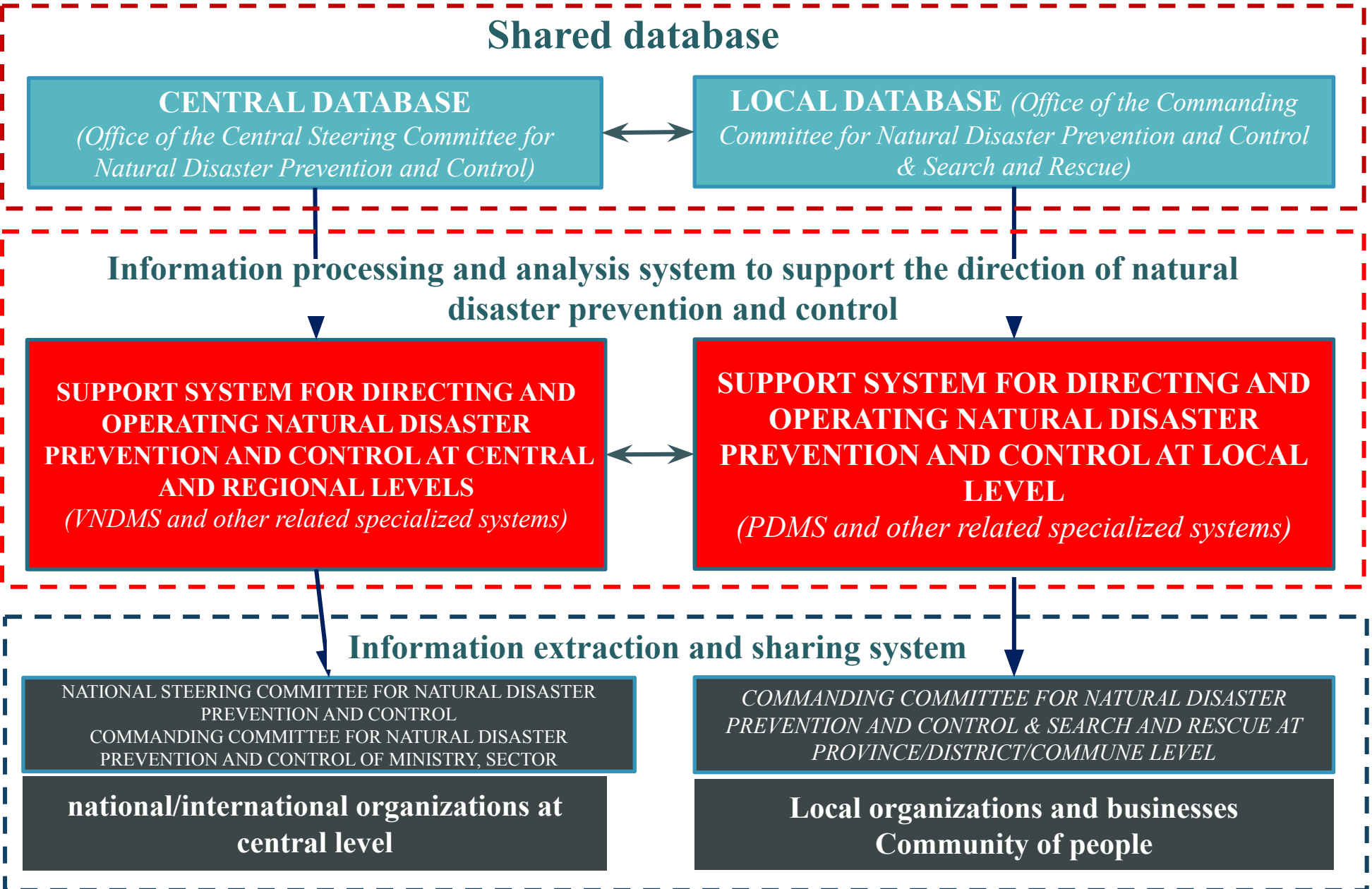
*ASEAN Forum on Gender and Disaster Risk Reduction, 10 November 2021
Via virtual teleconference*



SOURCES OF INFORMATION AND DATA

COLLECTING, MANAGING AND ANALYZING INFORMATION TO SUPPORT THE MANAGEMENT, ADMINISTRATION AND DIRECTION OF NATURAL DISASTER PREVENTION AND CONTROL IN VIETNAM

- Automatic monitoring data (Reservoirs, dikes, ...)
- Hydrometeorological data
- Natural disaster prevention and control works, damage analysis and need assessment, infrastructure, population - economy
- Remote sensing data, GIS
- Information and data from ministries, sectors and localities
- Information and data collected at the field
- Information and data provided from regional and international organizations
- Other information and data (Training, communication, survey, baseline survey,...)



ECONOMIC AND PEOPLE'S LIVELIHOOD DATA FOR NATURAL DISASTER PREVENTION AND CONTROL



BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
CENTER STEERING COMMITTEE FOR NATURAL DISASTER PREVENTION AND CONTROL

PHẦN MỀM DÂN SINH KINH TẾ XÃ HỘI

TRANG CHỦ

BÁO CÁO

BẢN ĐỒ

PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

CẬP NHẬT DỮ LIỆU

HỖ TRỢ NHẬP LIỆU

Đăng ký

Đăng nhập

CƠ SỞ DỮ LIỆU DÂN SINH KINH TẾ PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

-- Không Chọn --

-- Không Chọn --

-- Không Chọn --

Năm 2020

Tìm Kiếm

Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật Phòng chống thiên tai (Disaster Management Policy and Technology Center)

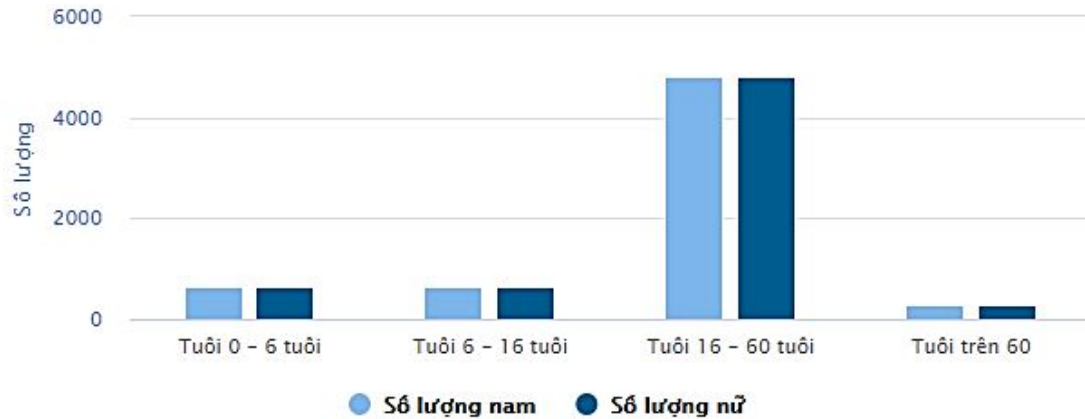


BASIC INFORMATION

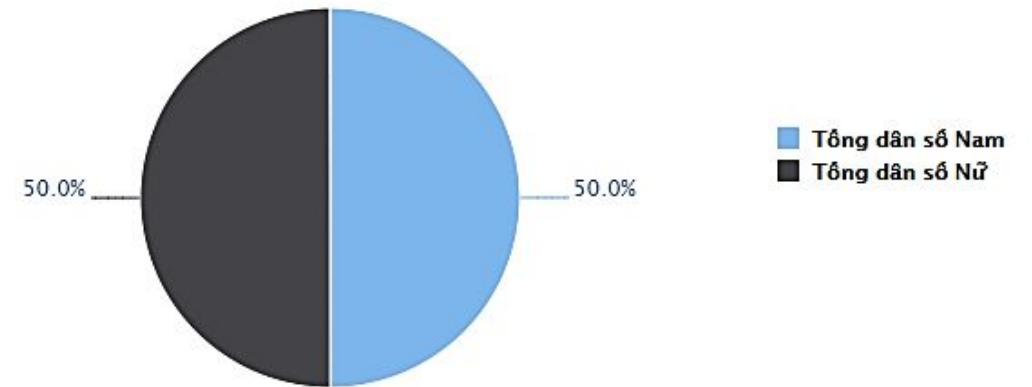
Rach Goc Town, Ngoc Hien District, Ca Mau Province - 2020

POPULATION STATISTICS

Number of men and women by age group



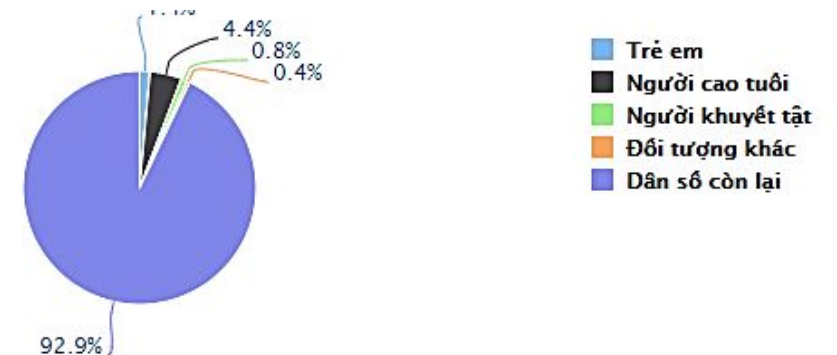
Ratio of men and women to the total population



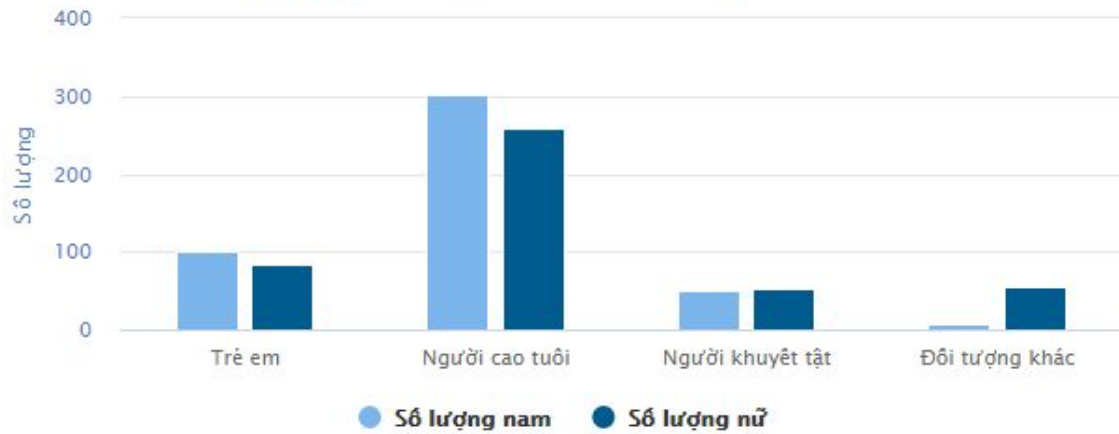
Ratio of poor households to total number of households



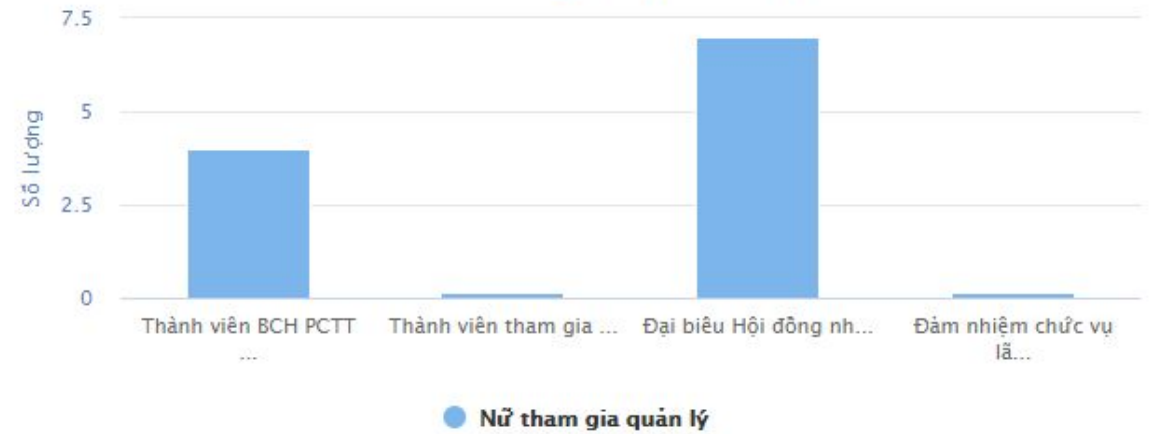
Percentage of vulnerable people in total population



Vulnerable people by groups

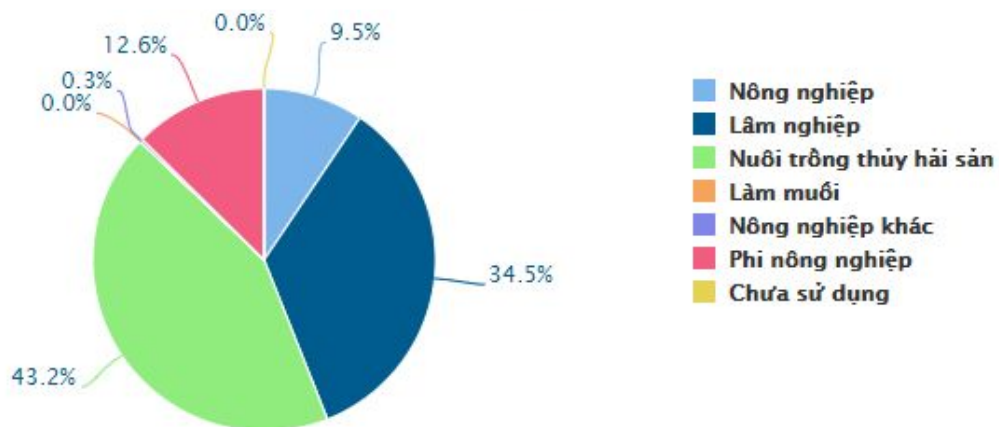


Female participating in management

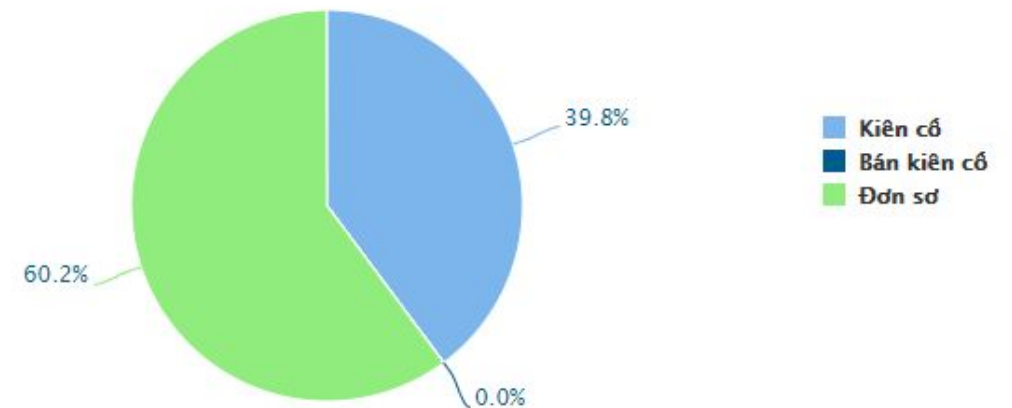


CLASSIFICATION OF LAND AND INFRASTRUCTURE

Land use structure

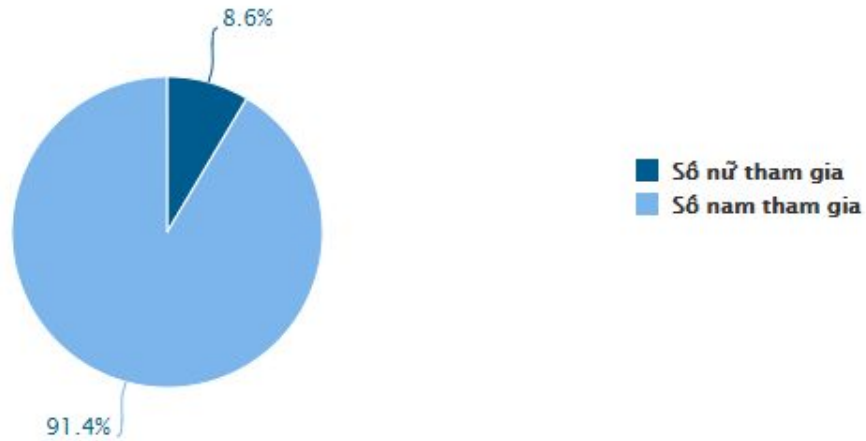


Housing

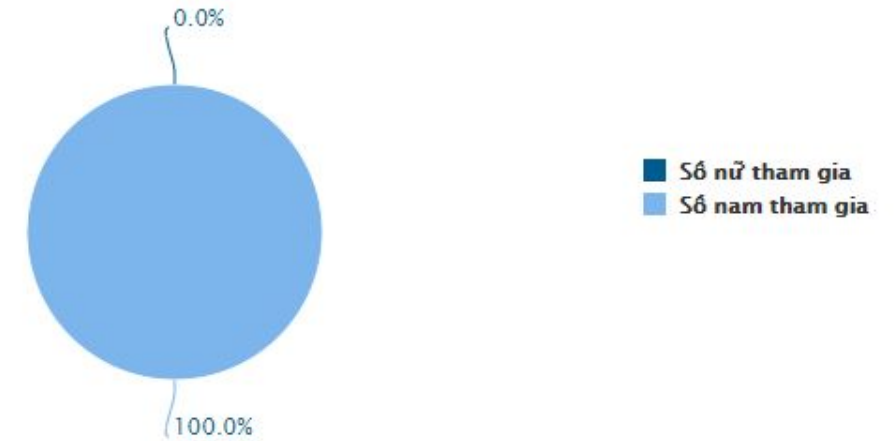


NATURAL DISASTER PREVENTION AND CONTROL RESOURCES

Commanding committee on natural disaster prevention and control and search and rescue

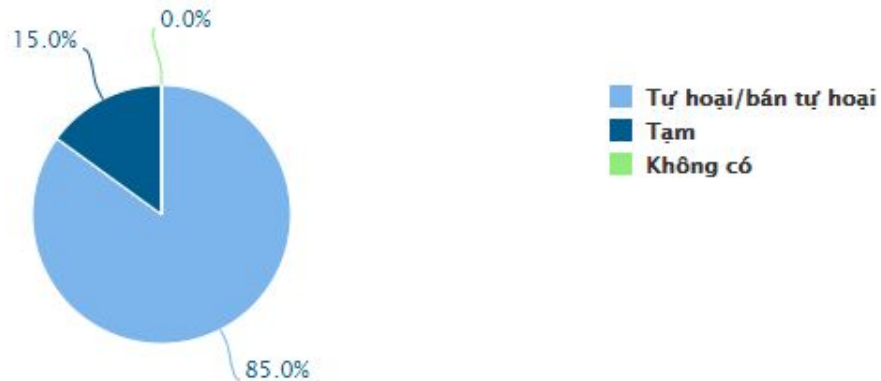


Natural disaster prevention and control first response task

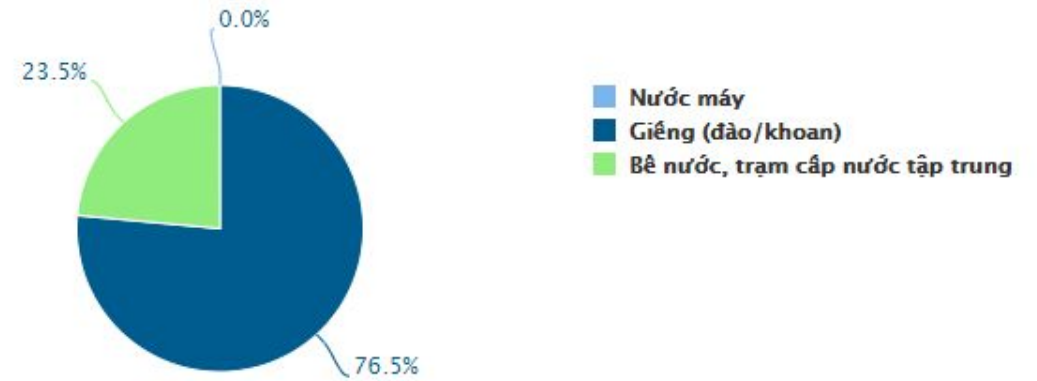


CLEAN WATER - ENVIRONMENTAL SANITATION

Percentage of households with access toilet, classified by types of toilet



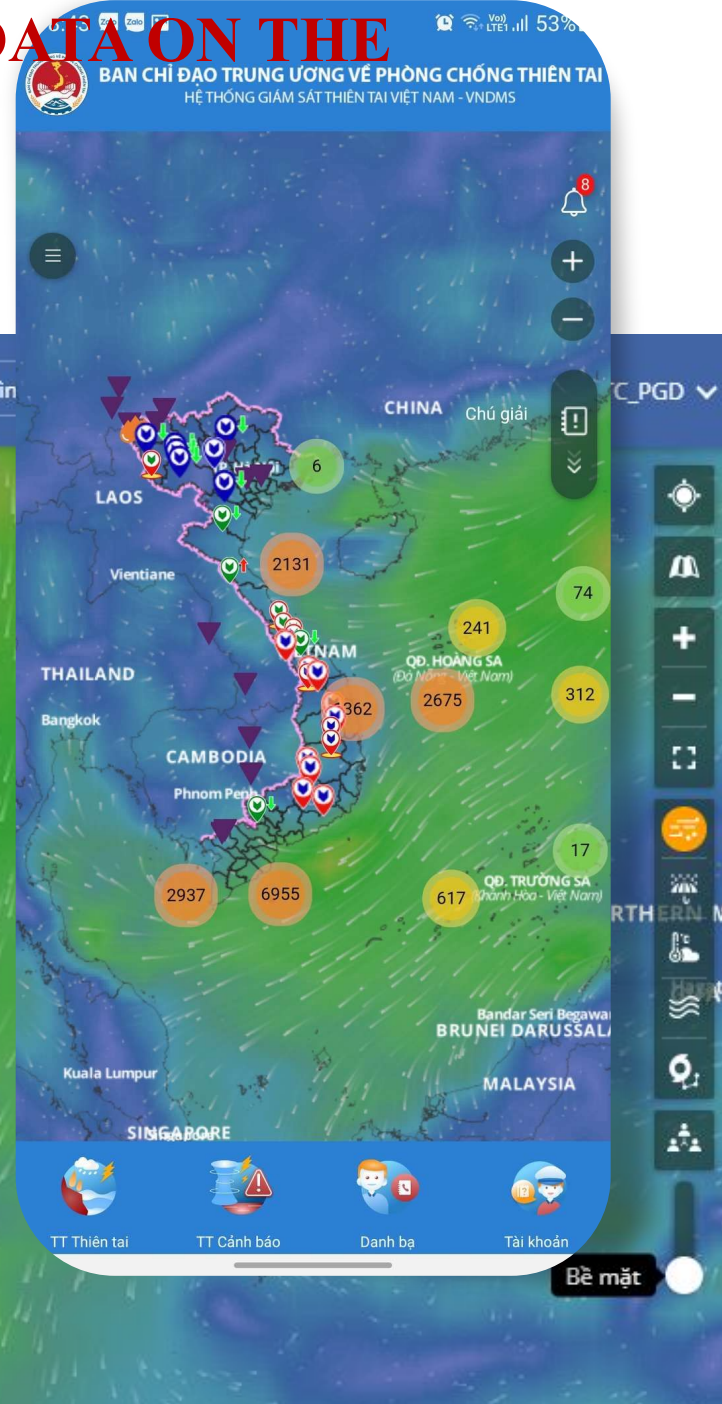
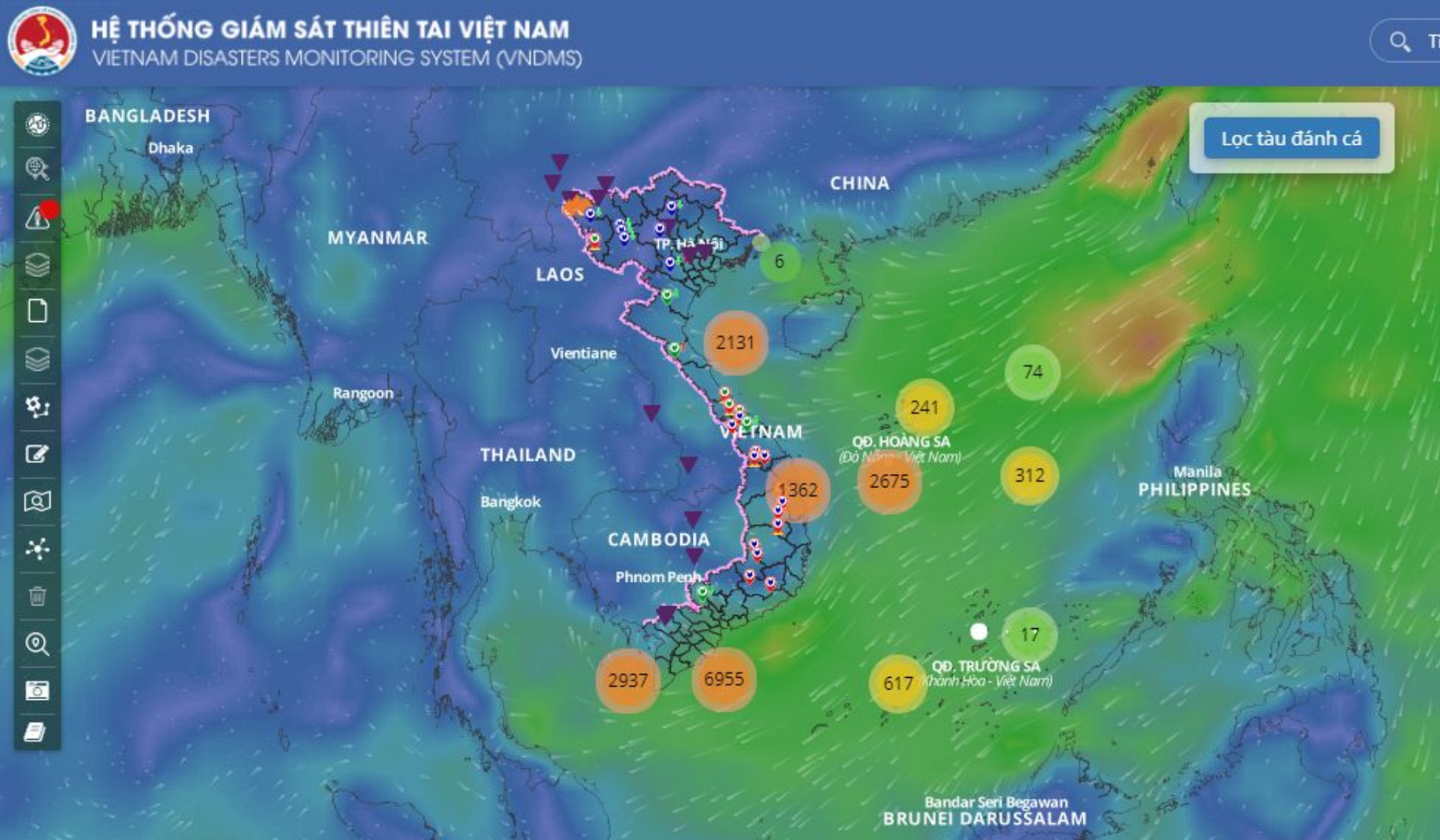
Percentage of households with access to water, classified by water source



EXPLOITING ECONOMIC AND PEOPLE'S LIVELIHOOD DATA ON THE NATURAL DISASTER MONITORING SYSTEM

Vietnam Disaster Monitoring System - VNDMS

<http://vndms.dmc.gov.vn/>



THE FUNCTION OF ZONING TO EXPLOIT ECONOMIC AND PEOPLE'S LIVELIHOOD DATA

HỆ THỐNG GIÁM SÁT THIÊN TAI VIỆT NAM
VIETNAM DISASTERS MONITORING SYSTEM (VNDMS)

Province: Cà Mau
District: Chọn Quận/huyện
Commune: Chọn Phường/Xã

Data Table:

Danh số	Phân loại đất	Sản xuất kinh doanh	Công trình hạ tầng	Công trình nước sạch	Công	Giá trị
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 0-6 tuổi trở xuống - Nữ						82.186
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 7-16 tuổi - Nữ						76.707
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 7-16 tuổi - Nam						142.060
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 7-16 tuổi - Nữ						152.718
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 17-59 tuổi - Nam						481.128
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 17-59 tuổi - Nữ						394.732
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 60 tuổi trở lên - Nam						84.244
Dân số theo nhóm tuổi - Từ 60 tuổi trở lên - Nữ						81.426
Tổng Dân số - Nam						789.618
Tổng Dân số - Nữ						705.583
Người dân tộc thiểu số - Nam						35.272
Người dân tộc thiểu số - Nữ						30.128

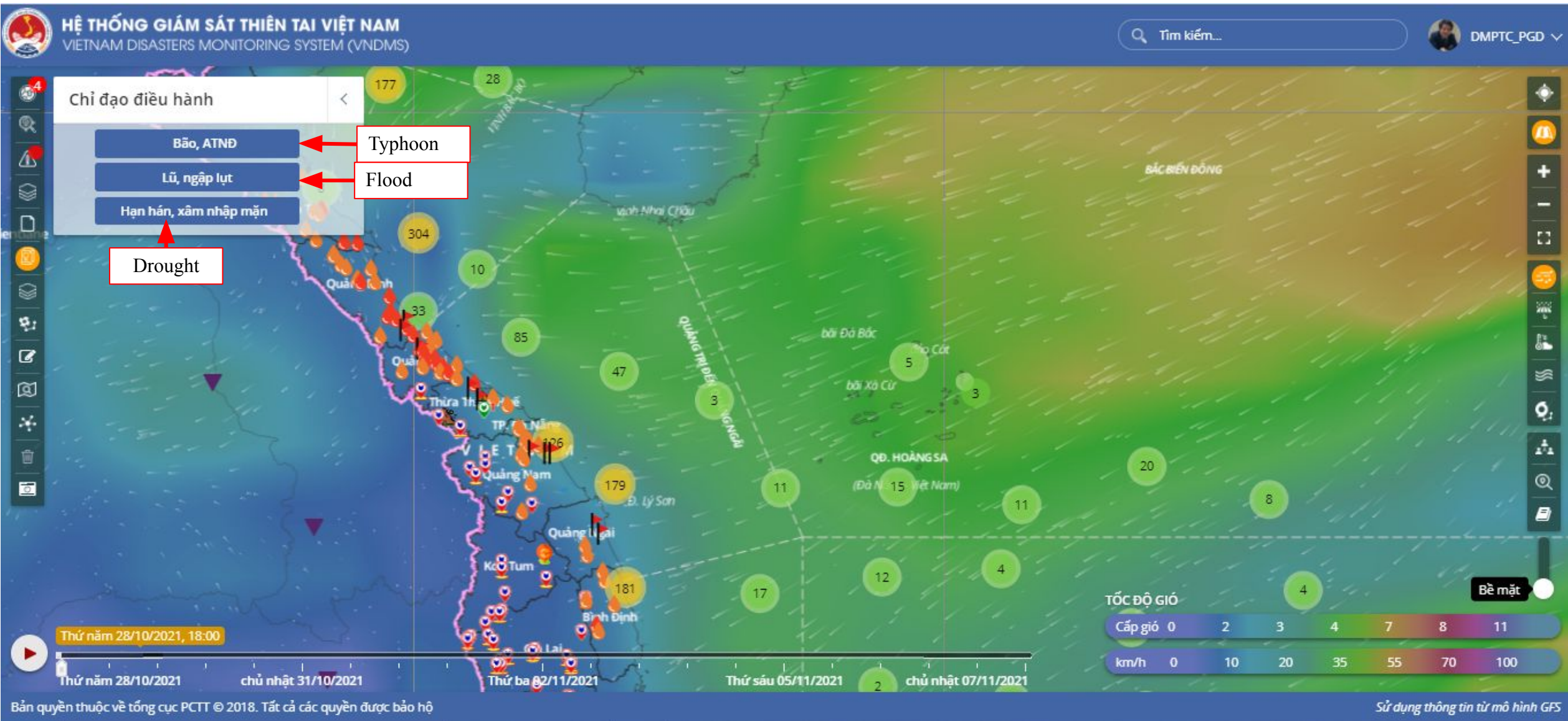
Right Panel:
Selecting area: Cà Mau (9 huyện, 101 xã)
Dữ liệu DSKT: Dân số
Xem chi tiết

Detailed Data

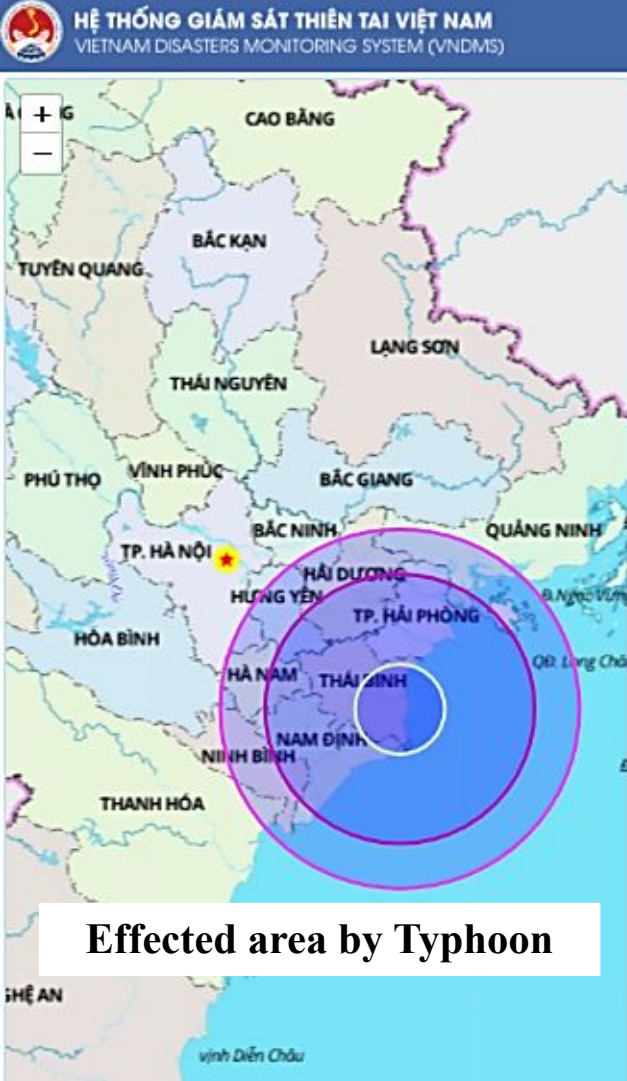
Page-Footer:
Thứ năm 28/10/2021, 18:00
Thứ năm 28/10/2021 chủ nhật 31/10/2021 Thứ ba 02/11/2021 Thứ sáu 05/11/2021 chủ nhật 07/11/2021
Bản quyền thuộc về tổng cục PCTT © 2018. Tất cả các quyền được bảo hộ
Sử dụng thông tin từ mô hình GFS

THE FUNCTION OF ZONING TO FORECAST NATURAL DISASTER IMPACTS

(For directing and responding to natural disasters)

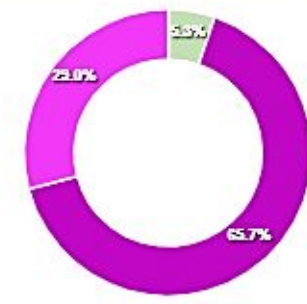


COLLECTED DATA IN FORECAST NATURAL DISASTER IMPACTS



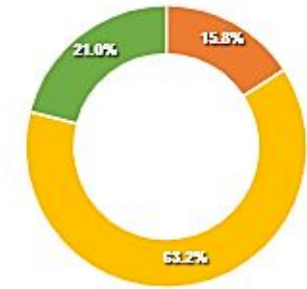
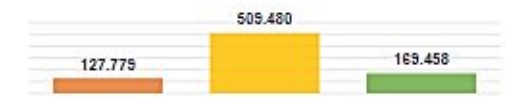
Number of men and women in effected area

Vùng ảnh hưởng	Nam	Nữ	Tổng
Vùng tâm bão, ATND	424.004	446.033	870.037
Vùng gió cấp 10	5.381.975	5.493.637	10.875.612
Vùng gió cấp 6	2.396.745	2.411.732	4.808.477
Tổng	8.202.724	8.351.402	16.554.126

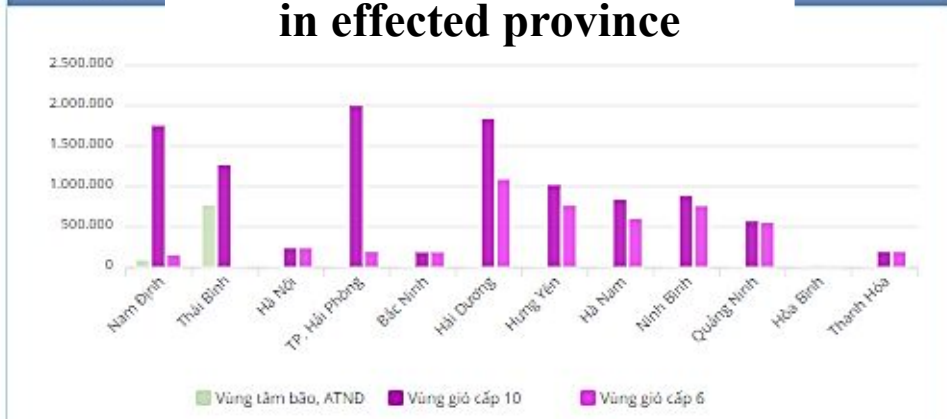


Number of men and women in age by group

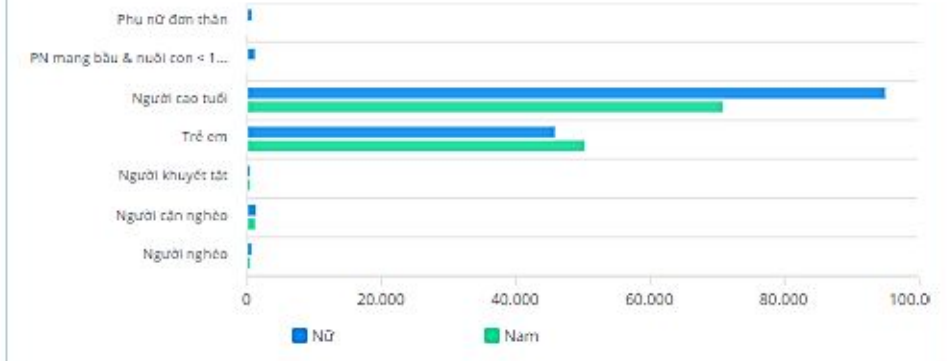
Độ tuổi	Nam	Nữ	Tổng
Từ 0 đến 16 tuổi	65.989	61.790	127.779
Từ 17 đến 59 tuổi	251.969	257.511	509.480
Từ 60 tuổi trở lên	72.140	97.318	169.458
Tổng	390.098	416.619	806.717



Number of men and women in effected province



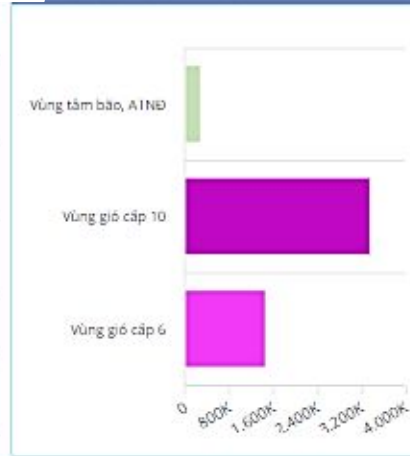
Number of men and women in vulnerable people by groups



Number housing in effected area

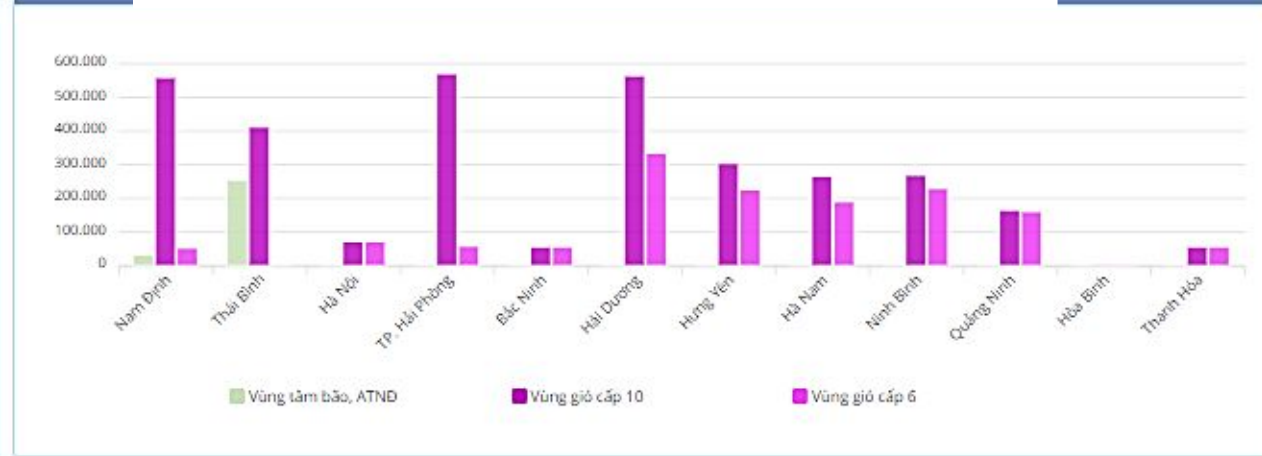
Phân loại nhà	Vùng tâm bão, ATND	Vùng gió cấp 10	Vùng gió cấp 6	Tổng
Nhà kiên cố	283.592	3.282.034	1.432.183	4.997.809
Nhà bán kiên cố	1.316	14.399	5.548	21.263
Nhà đơn sơ	37	1.242	352	1.631
Tổng số dân	870.037	10.875.612	4.808.477	16.554.126
Tổng số hộ dân	286.796	3.374.867	1.468.558	5.130.221

Nhà ở trong vùng ảnh hưởng



Number housing in effected province

Nhà ở theo r



Nhà ở trong vùng ảnh hưởng theo ranh giới hành chính

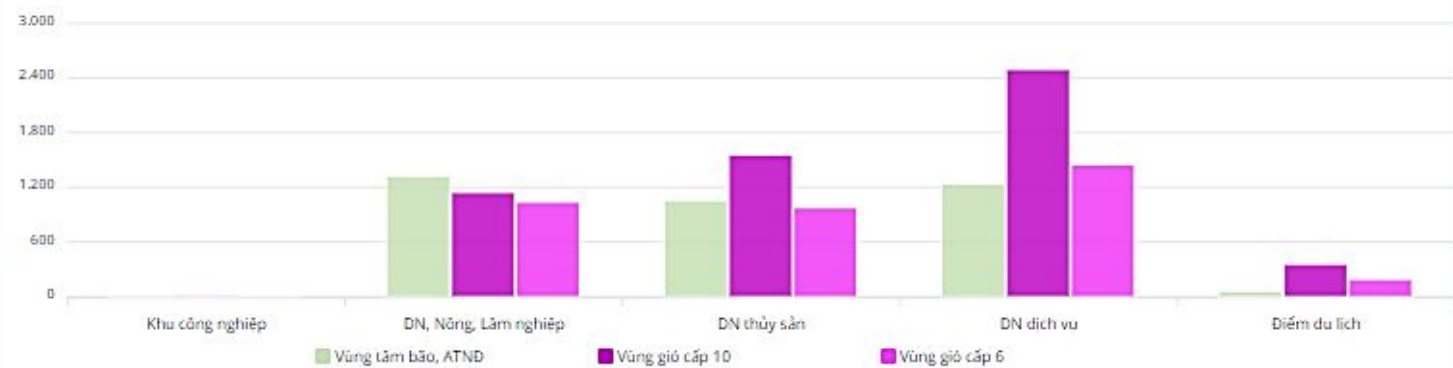
Vùng ảnh hưởng	Nam Định	Thái Bình	Hà Nội	TP. Hải Phòng	Bắc Ninh	Hải Dương	Hưng Yên	Hà Nam	Ninh Bình	Quảng Ninh	Hòa Bình	Thanh Hóa
Vùng tâm bão, ATND	31.434	253.511	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhà kiên cố	31.381	252.211	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhà bán kiên cố	27	1.289	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhà đơn sơ	26	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Vùng gió cấp 10	559.196	412.322	71.844	570.636	55.934	564.644	303.980	266.052	268.875	164.935	3.349	55.908
Nhà kiên cố	557.217	409.428	71.431	564.400	55.553	563.313	303.748	265.863	267.729	164.127	3.324	55.901
Nhà bán kiên cố	1.115	2.894	413	5.882	381	1.331	232	189	1.122	808	25	7
Nhà đơn sơ	864	-	-	354	-	-	-	-	24	-	-	-
Vùng gió cấp 6	52.379	-	71.844	58.068	55.934	334.786	226.107	189.893	229.450	160.365	3.349	55.908
Nhà kiên cố	52.051	-	71.431	55.847	55.553	334.414	225.954	189.741	228.385	159.582	3.324	55.901
Nhà bán kiên cố	-	-	413	2.221	381	372	153	152	1.041	783	25	7
Nhà đơn sơ	328	-	-	-	-	-	-	-	24	-	-	-

Agriculture production in effected area

Vùng ảnh hưởng	Lúa	Hoa màu	Thủy hải sản	Lồng bê	Già súc	Già cầm	Tổng
Vùng tâm bão, ATND	7.205	1.895	74	-	5.960	6.790	21.924
Vùng gió cấp 10	13.920	3.453	5.742	918	8.366	32.859	65.257
Vùng gió cấp 6	4.291	1.038	1.369	466	1.834	18.633	27.631

Business activities in effected area

Hoạt động kinh doanh trong



Sản xuất nông nghiệp theo ranh giới hành chính

Vùng ảnh hưởng	Nam Định	Thái Bình	TP. Hải Phòng	Ninh Bình	Quảng Ninh
Vùng tâm bão, ATND	6.421	15.503	0	0	0
Lúa	1.153	6.052	0	0	0
Hoa màu	254	1.641	0	0	0
Thủy hải sản	0	74	0	0	0
Lồng bê	0	0	0	0	0
Già súc	2.534	3.426	0	0	0
Già cầm	2.480	4.310	0	0	0
Vùng gió cấp 10	46.356	3.427	12.467	1.325	1.682
Lúa	6.361	1.512	4.603	1.219	225
Hoa màu	2.070	443	878	0	62
Thủy hải sản	2.177	6	2.758	0	800
Lồng bê	874	0	0	44	0

INTRODUCTION OF THE FORM FOR COLLECTING ECONOMIC AND PEOPLE'S LIVELIHOOD DATA



BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
CENTER STEERING COMMITTEE FOR NATURAL DISASTER PREVENTION AND CONTROL

PHẦN MỀM DÂN SINH KINH TẾ XÃ HỘI

TRANG CHỦ

BÁO CÁO

BẢN ĐỒ

PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

CẬP NHẬT DỮ LIỆU

HỖ TRỢ NHẬP LIỆU

Đăng ký

Đăng nhập

CƠ SỞ DỮ LIỆU DÂN SINH KINH TẾ PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

-- Không Chọn --

-- Không Chọn --

-- Không Chọn --

Năm 2020

Tìm Kiếm

INDICATOR GROUP

1. Indicator group of Population
2. Indicator group of Land classification
3. Indicator group of Production and business activities
4. Indicator group of Infrastructure
5. Indicator group of Clean water works
6. Indicator group of Irrigation Works
7. Indicator group of Natural Disaster Prevention and Control Works
8. Indicator group of Post-disaster damage and need

INDICATOR GROUP OF POPULATION

Number of population

- Population by age group
- Population by ethnic group (Kinh, ethnic minorities)
- People participating in health insurance
- Literacy rate of population aged 15 years and over

Number of households

- Population density
- Total number of households
- Poor households
- Number of near-poor households
- Households who have with people with disabilities
- Households who use electricity regularly and safely from sources

Vulnerable people (*Law on Natural Disaster Prevention and Control*)

- Children in poor households (by age group)
- Elderly (by age group)
- People with serious illnesses
- Pregnant and nursing women under 12 months olds
- Single women
- Type of disability: body moving, vision, hearing, speaking, intellectual, mental, other...

Violence against women

Number of women and girls aged 15 years and older who experienced current or previous physical, sexual and emotional violence in the past 12 months (according to reported figures)

Female participating in commune level management

- Number of members of the Steering Committee for Natural Disaster Prevention and Control and Search and Rescue of the commune/ward are female
- Number of female members joining the party committee
- Number of female members of the People's Council
- Number of female members holding government leadership positions

Female participating in district management

- Number of members of the Steering Committee for Natural Disaster Prevention and Control of the district are female
- Number of female members joining the party committee
- Number of female members of the People's Council
- Number of female members holding government leadership positions

Female participating in provincial management

- Number of members of the Steering Committee for Natural Disaster Prevention and Control and Search and Rescue are female
- Number of female members joining the party committee
- Number of female members of the People's Council
- Number of female members holding government leadership positions

INDICATOR GROUP OF INFRASTRUCTURE

Housing

- Solid house
- Semi solid house
- Not solid house
- Simple house

Market, commercial center

- Total Markets
- Total number of commercial centers (department stores, supermarket, ...)

Communication systems

- Number of antenna masts
- Cable poles
- Station house

Traffic road

- Highway
- Provincial road
- District Road
- Communal Road
- Village road
- Inland road

Bridges, sluices, underdrain

- Traffic bridge
- Underdrain
- Sluice (traffic)

Power system

- Power line
- Number of medium and high voltage poles
- Number of low voltage poles
- Transformer station

School

- Name of school
- Type of school (*Kindergarten, Primary School, Middle School, High School, Vocational Training Institution*)
- Number of students (*Male/female*)
- Functional room
- Collective housing
- Semi-boarding house
- Classification (Solid, Semi-solid, Temporary)

Health facilities

- Name of health facility
- Type of health facility (Hospitals, Medical Stations, Other Medical Facilities)
- Number of doctors/nurses (Male/female)
- Number of beds for patients
- Classification (Solid, semi-solid, temporary)

Commune People's Committee Head Office

- Head office name
- Classification (Solid, semi-solid, temporary)
- Access for all subjects

Cultural house

- Name and type of cultural house (commune, hamlet/village, other)
- Classification (Solid, semi-solid, temporary)
- Access for all subjects

Head Office of units in the area

- Number of head offices
- Classification (Solid, semi-solid, temporary)
- Access for all subjects

INDICATOR GROUP OF PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES

Cultivation

(Area, number of households)

- Rice
- Crop
- Industrial plants
- Annual plants (Other)
- Perennial plants (Other)
- Fruit plants

Forestry

- Specialized forest
- Protection forest
- Production forest

Animal Husbandry

(Area, number of households)

- Cattle
- Poultry

Salt Production

(Area, number of households)

- Area
- Production quantity

Aquaculture

- Fishing

(Article 43, Decree 26/2019/ND-CP detailing a number of articles and measures to implement the Fisheries Law)

- Raising seafood *(Area, number of households)*

(Section 3, Article 5, Decree No. 02/2017/ND-CP of the Government: On mechanisms and policies to support agricultural production to restore production in areas damaged by natural disasters and epidemics)

Tourism

- Accommodation service point
- Entertainment service centers (parks, squares, gathering places for entertainment activities)
- Number of areas/coral reefs, biosphere reserves, coastal ecological reserves combined with tourism
- Number of cruise ship
- Average number of visitors per year

Industry

- Number of industrial parks
- Worker, labor

Production and business facilities

- Agriculture and Forestry
- Aquaculture (*Area, number of households*)
- Service

Jobs by industry

- Employed people of working age
- Number of people whose main jobs in agriculture, forestry, fisheries
- Number of people whose main jobs in industry and construction
- Number of people whose main job is in the service sector

INDICATOR GROUP OF CLEAN WATER WORKS

Main source of domestic water

(Number of households, male/female)

- Tap water
- Well (dig/drill)
- Water tank, centralized water supply station
- Percentage of population using clean and hygienic water according to regulations

Toilet

(Number of households, male/female)

- Septic/semi-septic
- Temporary
- Not available
- Percentage of population with hygienic latrines

INDICATOR GROUP OF IRRIGATION WORKS

Reservoirs

Irrigation
channels

Canals

Dams
(irrigation)

Embankments

Sluices

Pumping
stations

INDICATOR GROUP OF NATURAL DISASTER PREVENTION AND CONTROL WORKS

Dike works

- Special level dike route
- Dike route level I
- Dike route level II
- Dike route level III
- Dike route level IV
- Protection dike route
- Retired embankment route

Roof embankment, sluice over dyke, flow correction embankment works, hydropower reservoir

- Roof embankment works
- Sluice across the dike
- Flow correction embankment works
- Hydropower reservoir

Dike management district, dike guard station, flood warning column

- Dike management district
- Dike guard station
- Flood warning column

Equipment to support natural disaster prevention and control

- Boat
- Life vest
- Flashlight
- Handheld speaker for warning information
- Portable speaker for warning information
- Generator

Disaster response plan, risk map, dissemination and propaganda

- Disaster response plan
- Commune disaster risk map
- Number of people in the commune who are propagated and disseminated knowledge about natural disaster prevention and control every year

- Communal Commanding Committee on Natural Disaster Prevention and Control and Search and Rescue
- Communal First Response Team To Natural Disaster Prevention and Control

Local natural disaster early warning system

- Hamlet/village/neighborhood has a system of information transmission and early warning about natural disasters
- Hamlet/village/neighborhood must satisfy all conditions to meet the people's living requirements and according to the regulations on natural disaster prevention and control in place.
- Hamlet/village/neighborhood has a system to receive, transmit and provide information on forecasting, warning and responding to natural disasters, ensuring that 100% of people are received in a timely and complete manner.

Local natural disaster early warning system

- Hamlet/village/neighborhood that have 100% of the places with high risk of natural disasters are equipped with guidance and warning systems.
- Number of villages in the commune that have built and updated disaster risk maps drawn by people themselves
- Number of people in the commune who are propagated and disseminated knowledge about natural disaster prevention every year



For more information please contact



Bui Quang Huy



buiquanghuy.pctt@gmail.com

Thank You



SmPower
Women for Climate-Resilient Societies



Sweden
Sverige



Co-funded by
European Union
Humanitarian Aid

